|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /2024/QĐ-UBND | *Hòa Bình, ngày tháng năm 2024* |

|  |
| --- |
| **DỰ THẢO 2** |

**QUYẾT ĐỊNH**

**Quy định khu vực, địa điểm đổ thải đối với vật chất**

**nạo vét từ hệ thống giao thông đường thủy nội địa trên địa bàn tỉnh Hòa Bình**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ* *Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và* *Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ* *Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;*

# *Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số* [*/TTr-SGTVT*](https://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=933/TTr-SGTVT&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1)*ngày tháng năm 2024.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng và giải thích từ ngữ**

1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định việc xác định khu vực, địa điểm đổ thải đối với vật chất nạo vét từ hệ thống giao thông đường thủy nội địa trên địa bàn tỉnh Hòa Bình.

2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan đến khu vực, địa điểm đổ thải đối với vật chất nạo vét từ hệ thống giao thông đường thủy nội địa trên địa bàn tỉnh Hòa Bình.

3. Giải thích từ ngữ

Trong Quyết định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

a) Khu vực đổ thải là phạm vi có thể quy hoạch chứa các vật chất nạo vét từ hệ thống giao thông đường thủy nội địa.

b) Địa điểm đổ thải là nơi xác định vị trí cụ thể để chứa các vật chất nạo vét từ hệ thống giao thông đường thủy nội địa.

c) Vật chất nạo vét là vật chất ở thể rắn, lỏng được nạo vét từ hệ thống giao thông đường thủy nội địa, không thuộc hoạt động nạo vét thu hồi sản phẩm.

**Điều 2. Nguyên tắc áp dụng**

Quyết định này là cơ sở pháp lý để các cơ quan, tổ chức, cá nhân áp dụng thống nhất trong quá trình quy hoạch, xây dựng, lựa chọn khu vực, địa điểm để đổ thải thực hiện các dự án liên quan đến hoạt động nạo vét trong vùng nước đường thủy nội địa địa phương trên địa bàn tỉnh Hòa Bình; nhằm mục đích hạn chế những tác hại gây ô nhiễm môi trường, bảo đảm trật tự an toàn xã hội.

**Điều 3. Quy định về khu vực, địa điểm đổ thải**

1. Điều kiện để xác định khu vực, địa điểm đổ thải

a) Khu vực, địa điểm đổ thải phải được Ủy ban nhân dân tỉnh công bố và chấp thuận khu vực, địa điểm tiếp nhận chất nạo vét trên bờ theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 57/2024/NĐ-CP ngày 20 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ về quản lý hoạt động nạo vét trong vùng nước cảng biển và vùng nước đường thủy nội địa (sau đây gọi là Nghị định số 57/2024/NĐ-CP), có diện tích đáp ứng nhu cầu đổ thải vật chất nạo vét của từng dự án cụ thể, phù hợp với Quy hoạch tỉnh, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của địa phương.

b) Có vị trí thuận lợi để đảm bảo việc thu gom chất thải từ hoạt động nạo vét đường thủy nội địa và đáp ứng được các quy định pháp luật về khoảng cách an toàn đến khu vực dân cư sinh sống tập trung theo quy định. Nếu thực hiện đổ thải lên trên khu đất thuộc quyền sử dụng hợp pháp của tổ chức, cá nhân thì phải được sự đồng thuận của tổ chức, cá nhân trong khu vực và đúng quy định của pháp luật.

c) Có điều kiện địa chất, thủy văn phù hợp; không nằm trong khu vực thường xuyên bị ngập sâu trong nước; không nằm ở vị trí đầu nguồn nước.

d) Đảm bảo các yêu cầu về bảo vệ môi trường, cảnh quan, an ninh trật tự, không xâm phạm chỉ giới giao thông, bảo đảm các quy định về hành lang bảo vệ công trình đường bộ, đường thủy nội địa, không làm ảnh hưởng đến đời sống và sức khỏe người dân.

2. Quy định khu vực, địa điểm đổ thải

a) Vị trí khu vực, địa điểm đổ thải có khoảng cách an toàn đến khu vực dân cư tập trung, trường học, bệnh viện, trung tâm văn hóa xã hội, di tích lịch sử, trung tâm công nghiệp, các nguồn nước, sông, hồ đúng quy định của pháp luật.

b) Có diện tích, sức chứa phù hợp để chứa, xử lý các vật chất nạo vét từ hệ thống giao thông đường thủy nội địa theo từng dự án cụ thể.

c) Để hạn chế tác động xấu của vật chất nạo vét đến môi trường xung quanh, kết cấu của khu vực đổ thải phải có bờ bao bằng đất tự nhiên hoặc bê tông cốt thép (đảm bảo chiều cao, độ dày phù hợp với từng khu vực đổ thải), xung quanh có hệ thống lọc nước và thoát nước.

**Điều 4. Trách nhiệm quản lý nhà nước về khu vực, địa điểm đổ thải**

1. Sở Giao thông vận tải

a) Tổ chức tuyên truyền, hướng dẫn các tổ chức, cá nhân có liên quan việc thực hiện thu gom, xử lý, vận chuyển vật chất nạo vét từ hệ thống giao thông đường thủy nội địa đến khu vực, địa điểm đổ thải.

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố thanh tra, kiểm tra công tác thu gom, xử lý, vận chuyển vật chất nạo vét từ hệ thống giao thông đường thủy nội địa.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành có liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tham mưu Uỷ ban nhân dân tỉnh công bố danh mục khu vực, địa điểm tiếp nhận chất nạo vét trên bờ theo quy định tại khoản 3 Điều 49 Nghị định số 57/2024/NĐ-CP; quản lý các khu vực, địa điểm đổ thải trên địa bàn tỉnh sau khi được phê duyệt.

b) Hàng năm xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện công tác quan trắc và giám sát môi trường đối với các khu vực, vị trí đổ thải theo nhiệm vụ được giao.

3. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Hướng dẫn chủ đầu tư các dự án nạo vét các công trình thủy lợi phục vụ giao thông đường thủy có đổ thải thực hiện đúng các quy định tại Quyết định này.

b) Chủ trì thẩm định phương án đổ thải đối với các dự án nạo vét các công trình thủy lợi phục vụ giao thông đường thủy cần đổ thải do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đầu tư.

4. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

a) Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh lựa chọn, chấp thuận vị trí để sử dụng làm khu vực, địa điểm đổ thải đối với vật chất nạo vét từ hệ thống giao thông đường thủy nội địa phục vụ việc công bố danh mục khu vực, địa điểm tiếp nhận chất nạo vét trên bờ; quản lý các khu vực, địa điểm đổ thải trên địa bàn.

b) Thường xuyên kiểm tra, đôn đốc nhắc nhở các tổ chức, cá nhân thực hiện hoạt động nạo vét trong vùng nước đường thủy nội địa trên địa bàn chấp hành các quy định quản lý vật chất nạo vét và các quy định khác có liên quan; kịp thời phát hiện và xử lý các trường hợp vi phạm quy định pháp luật về vệ sinh môi trường trên địa bàn quản lý.

c) Tổ chức tuyên truyền các quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh về quản lý vật chất nạo vét từ hệ thống giao thông đường thủy nội địa và giữ gìn vệ sinh môi trường trên địa bàn.

**Điều 5. Trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân trong hoạt động đổ thải, quản lý các khu vực đổ thải**

1. Tổ chức, cá nhân có nhu cầu đổ thải gửi văn bản đến UBND tỉnh để được chấp thuận khu vực, địa điểm tiếp nhận chất nạo vét trên bờ theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 57/2024/NĐ-CP.

2. Thực hiện đổ thải đúng vị trí, khối lượng được cấp có thẩm quyền cho phép, chấp hành nghiêm các quy định của pháp luật về đổ thải, hoạt động bảo vệ môi trường, an toàn giao thông.

3. Chịu trách nhiệm nếu để xảy ra sự cố, vi phạm pháp luật trong hoạt động nạo vét, đổ thải theo quy định của pháp luật.

4. Thực hiện các yêu cầu đối với công tác thi công, đổ chất nạo vét được quy định tại Điều 5 Nghị định số 57/2024/NĐ-CP ngày 20/5/2024 của Chính phủ.

**Điều 6.** Quyết định này có hiệu lực từ ngày tháng năm 2024.

**Điều 7.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở, Thủ trưởng cơ quan, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như Điều 3;  - Chính phủ;  - Bộ Giao thông vận tải;  - Bộ Tài nguyên và Môi trường;  - Cục kiểm tra văn bản QPPL, Bộ Tư pháp;  - Thường trực Tỉnh ủy (b/c);  - Thường trực HĐND tỉnh (b/c);  - Chủ tịch UBND tỉnh;  - Các đ/c Phó chủ tịch UBND tỉnh;  - Các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh;  - Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh;  - TT Tin học và Công báo – VP UBND tỉnh;  - Các sở, ban, ngành của tỉnh;  - Cổng thông tin tỉnh Hòa Bình;  - Lưu: VT, KTN (….) | **TM. ỦY BAN NHÂN DÂN CHỦ TỊCH**  **Bùi Văn Khánh** |